***1.2.1. Quan niệm mở về tôn giáo***

Đi tìm lời giải cho cái bản ngã và bản chất cuộc đời là điều chưa bao giờ đứt mạch trong sự nghiệm suy của con người về nhân sinh trong cõi hiện tồn. Những trăn trở ấy đã khiến Nguyễn Bình Phương tìm đến Phật giáo trong niềm hi vọng được đốn ngộ chân lí sống. Giữa cõi ta bà “chết bởi săn lùng và sống ngoài chờ đợi”, thơ Nguyễn Bình Phương thầm lặng nói với người, với đời những triết lí sâu xa với sự thực hành một cách thế sống “buông lơi”.

Thi giới Nguyễn Bình Phương ngập tràn những “trích dẫn” hình ảnh mang tính biểu trưng của thế giới Phật giáo với: *hồi chuông, đài sen, chục tầng trời, ngọn thác, quả chuông, chú tiểu, sư ông, xôi oản, cửa chùa, bồ đề, Phật,* ….cả tên nhan đề các tập thơ đã phần nào thể hiện sự khảm ghép tôn giáo trên nền văn bản thơ ấy: *Khách của trần gian, Từ chết sang trời biếc, Buổi câu hờ hững…*Và từ khoảng trống của bức khảm ghép ấy, đọc thơ Nguyễn Bình Phương người đọc được giác ngộ chân tu giữa đời thực.

Trước hết, có thể thấy, cái mĩ cảm trong thơ Nguyễn Bình Phương đã có sự gặp gỡ với quan niệm Phật giáo về cái đẹp khoảnh khắc cùng sự tĩnh lặng, lắng đọng của tâm hồn để thấu tận cùng bản chất sự vật cũng như cảm nhận được sự tương giao, hòa hợp của chúng trong thế giới tự nhiên. Theo đó, sự tồn tại của vạn vật chính là kết quả của vô vàn những mối tương tác kì diệu theo quy luật vận hành của muôn vật, đó chính là Đạo ở đời.

Thơ Nguyễn Bình Phương đánh thức cảm thức thẩm mĩ trong mỗi chúng ta về những gì rất riêng tư, tinh tế và ý nhị. Giữ cái tâm tĩnh lặng, cái tôi nhà thơ thực hiện cuộc du hành viên miễn trong thế giới huyền bí của muôn vật và lắng nghe sự chuyển động không ngừng của tạo hóa. Đó là “*tiếng kêu của nước bị múc vào gầu*”, “*tiếng rụng đều đều trên phố dài thăm thẳm”* của những cánh hoa bằng lăng mang sắc “*tím buồn và độc”*, cái lảnh lót của chiếc chuông đeo trên cổ ngựa “*Mây êm mây đêm mặc áo dài*/ *Nhạc ngựa thoang thoảng* **(Thật xa xôi),** cả thanh âm thinh lặng của “*vòm lá bạt ngàn con mắt khóc*”, ở nơi “*Sau mái lán một đốm vàng dần nhú* là *“tiếng trăng va xuống cỏ mơ màng”* **(Ở Định Hóa)** và kì diệu thay mấy ai như thi sĩ nghe được chuyển động của “đồi” với “*Cái rùng mình trên làn da thanh vắng*” mang những điều bí ẩn thênh thang. Nhà thơ – người giấu mặt không chỉ nhìn ngắm sự sống tự bên ngoài mà còn dò tìm vào tận bên trong để nghe những ngân rung huyền diệu trong khoảnh khắc vụt sáng của tạo vật.

Nhưng không chỉ có sự tương giao giữa tự nhiên với tự nhiên, trong thơ Nguyễn Bình Phương còn có sự tương giao giữa con người với tự nhiên với cái nhìn đầy bao dung của Phật giáo. Trong trạng thái an tịnh, mát mẻ của tâm hồn khi ngọn lửa tham sân si bị tịch diệt, vạn vật đều bình đẳng như nhau. Phật có thể là anh, là tôi, là chúng ta, không hạn cuộc riêng loài người. Thấm đẫm tinh thần Thiền tông đó, nhà thơ hai – ku nổi tiếng của Nhật Bản từng có bài thơ thể hiện rõ triết lý này: *Muôn vật tung bay/ Cả chú lợn rừng lẫn tôi/ Cơn giông mùa thu* (Basho). Và với Nguyễn Bình Phương, sự vận hành của vũ trụ bao giờ cũng thể hiện sự thống nhất giữa con người – tạo vật, trong đó không đối tượng nào là trung tâm chi phối tất cả sự sống mà sự sống chỉ được hiển hiện đúng bản chất khi muôn vật cùng giao hòa. Có sự liên kết thật chặt chẽ của ba đối tượng: *người yêu tôi – con mèo – ánh trăng* bằng thứ ngôn ngữ kì diệu “ho húng hắng”, cái vô ngại đã được diễn đạt đến tận cùng sự thấu tận minh triết quy luật tồn tại của vạn vật trong tự nhiên bằng một mối giao cảm màu nhiệm: *Người yêu tôi nằm cạnh một con mèo/ Cạnh một ánh trăng/ Cả ba ho húng hắng* **(Mở lời)**.

Đi tìm trạng thái tĩnh của tâm hồn, Nguyễn Bình Phương có lẽ đã phần nào đốn ngộ chân lí của đạo Phật về cõi Niết Bàn. Niết Bàn tại tâm con người, nơi ấy không dành cho những nhốn nháo, bận tâm về danh vọng, những ưu tư về sự cho – nhận ở đời. Nên lẽ đó, khi nhìn về những người đồng đội đã ngã xuống, nhà thơ đã dành cho họ khoảng yên nghĩ thật sự bình tâm. Cái quy luật sinh tử chẳng phải của riêng ai, khi sống hết mình trong cõi hiện tại, không mưu cầu lợi danh, họ đã là “cây bồ đề trăm tuổi”: *Đừng nhắc những đường lê bỏng cháy/ vết thương đã trút lại cõi trần/ Đừng khói hương làm họ lẫn/ Bình yêu đâu cần bóng bồ đề/ Họ là cây bồ đề mênh mông không tuổi* ***(Trên đồi cao).***

Trong kiếp phù sinh với dòng chảy tương tục, Phật giáo quan niệm về lẽ vô thường mà ở đó cuộc đời tựa như một dòng sông có khai có tàn, có viên mãn - có tan biến, có cái hôm nay - hôm sau đã thành niềm xưa cũ. Thơ Nguyễn Bình Phương khi dựng cả một địa hạt mang tương quan đối lập giữa vẻ đẹp mãn khai và dự cảm suy tàn (*Gót sen hồng đang nở giữa trời đông - Hài ấy tóc ấy sao dễ tàn hơn cỏ*), giữa chuyển động theo hướng tròn đầy viên mãn với chuyển động theo hướng tan biến (*Đêm nằm nghe doi chín trong vườn - Cái bóng lử lả tan dần*) vẫn mang niềm tin của sự phục sinh, cứu rỗi: *“Cả em nữa một thuở cháy tưng bừng/ Giờ cũng thành dấu chấm vời xa/ Nhưng trên nóc nhà ta/ Tinh mơ luôn trở lại/.* **(Hóa hình)**

Để khi hướng mình trong cõi hiện tại, khi “Chơi cùng con”, nhà thơ đã tìm thấy một thế giới nguyên sơ thật an lành: “*Tôi bị vướng vào thế giới ta bà/ Con voi bé nhỏ, con ve kềnh càng, con báo lù lì, con rùa vĩnh cửu”.* Khi “*bắn gục thời gian không thèm tiếc*”, thế giới trẻ thơ không chấp niệm, không tham cầu, sân si đã đánh thức niềm khao khát cao đẹp trong nhà thơ được bay đến “mấy chục tầng trời”, được “ngủ dưới mấy nghìn ngọn thác” và được thấy mình hiển hiện trong chính trang sách đời: *“Và tôi ngồi trong cuốn sách của tôi/ Ai đó viết ra ở chân trời khác”* **(Chơi với con).**

Không thể sống mãi trong thế giới trẻ thơ nhưngcuộc đời lại là bể khổ bởi khi sống con người còn mang quá nhiều chấp niệm, trong hành trình đi tìm và lí giải về mình “ta là ai??? (tìm thơ bổ sung vào), Nguyễn Bình Phương đã có thiên hướng thiền khi nghiệm thấy “những ham muốn thời trẻ trung cũng mất”. Dẫu mang chất giọng thoáng buồn khi nhận ra mình “đã chảy rất xa” cùng dòng sông cuộc đời nhưng trên tất cả vẫn là niềm an nhiên, uyên áo về những gì có được: “*Anh ngọn gió quẫy quầng trong mây/ Anh mầm cây tọa thiền trong đất/ Anh khoảng mù lòa giữa nước với phù sa”.* Và có khi, hơn cả thế, nhà thơ làm cuộc viễn du vào một thế giới khác, nguyện rũ bỏ những ràng buộc của thế giới vật chất, như kẻ đứng ngoài cuộc đời với “thân thể gầy còm vì chay tịnh” mà nhìn ngắm, nhận thức về mình “*Anh vứt bỏ đồng hồ/ Và thành người ngoài cuộc.* Không chỉtách khỏi cái trôi chảy của thời gian*,* nhà thơ còn mơ thoát khỏi không gian sống chật chội đầy tạp niệmvà bất ngờ saocái tâm ấy đã chạm được vào cõi thanh thản, khoảng chân không kì diệu khi tri ngộ:*“Không phân biệt/ Ngủ ngoài mái hiên hay ngủ trong lòng mẹ/ Đâu cũng là giấc mơ”.* Một giấc mơ vụt tắt để thấy cuộc đời ngắn ngủi như một giấc mơ; cố chấp niệm, bám víu vào những điều vô thường ấy chỉ khiến thân xác thêm mỏi mệt. Nhưng thơ vẫn chỉ là thơ, đi tận cùng mọi sự thử nghiệm để nhận diện *là anh hay là Phật*, thơ Nguyễn Bình Phương vẫn luôn là niềm day dứt: “tâm thế Nguyễn Bình Phương chấp chới một bên là hiện thực cuộc sống và một bên là những trạng thái tĩnh lặng mang dấu ấn thiền như chính nỗi niềm day dứt về bản thân mình được anh bộc lộ qua câu thơ mà tôi cho là lời đề từ của thi tập này: *Đó là đời hay thơ/ Đó là anh hay Phật”* **(Đoàn Minh Tâm).**

Có thể thấy dấu ấn thiền thể hiện khá rõ trong thơ Nguyễn Bình Phương nhưng thật sự chưa có cái tâm thiền hoàn toàn trong cái tôi ấy. Cuộc phiêu dạt vào thế giới khác chỉ là niềm mơ giữa đời thực bởi khi nhìn vào chính mình trong sự ràng buộc của kiếp nhân sinh, đâu đó trong thơ ông vẫn hiện lên nét mặt thoáng mệt mỏi, chán chường: *“Này tôi/ Một khuôn mặt công chức/ Đứng nhìn/ Những cuộc họp rạc dài/ Tiêu ma bao ý tưởng”* **(Bài thơ cũ);** những dùng dằng suy tư về những điều dẫu đã cố “bên gào rú dòng xe người ấy ngủ thật lành”, thì cuối cùng vẫn “*Anh cùng sông lẽo đẽo bên đường*”, bến mê vẫn đó, bờ giác ngộ đến khi nào mới sang được?

Và có thể nào sang được khi có quá nhiều nỗi âu lo trong đời “*Thảy những điều ta có/ Là tượng đài âu lo”,* cái tôi ấy lo lắng vì bệnh tật *“Bệnh tật đã cất lời của nó/ Mi thấy những muộn phiền trên tóc ta không?*”, phấp phỏm trong cái thời gian trôi chảy: *“Những nơi trống không rờn rợn ấy/ Nơi chết lặng/ Vẫn tích tắc tích tắc tích tắc”* **(Kẻ ngoài cuộc),** bất an với mỗi ngày đang sống mà ráo riết đề phòng: “*Hãy vung tay vẽ, mình ạ, nét bập bùng của lửa/ Kẻo cái chức nhì nhằng vẽ bậy xuống đời ta*” ( ) ; và rồi cả cái trạng huống đối diện với cái chết cũng rất “đời” khi mang dự cảm “*ngờ ngờ thời gian rất lạnh*” cùng nỗi mong cầu “*chờ xem ấm ở bên nào”* .

Bằng cái nhìn đầy tỉnh táo, minh triết khi ngẫm suy về cuộc đời, những câu thơ của Nguyễn Bình Phương khi bày ra nhân thế cứ tưởng như thật bình tâm mà vẫn không giấu nỗi ưu tư khi nhận ra “mỗi người một chiếc cần buông lơi”. Chiếc cần câu ẩn nhẫn tìm sự thanh thản hay những vướng vít cứ câu vào nhau để hướng đến những gì chưa có được?: *“Nước câu mặt trời/ Mặt trời câu gió/ Phố câu người đời/ Ô/ Quê mùa câu phố/ Ngày mai câu một ngày mai khác/ Bằng gương mặt lơ vơ”* **(Buổi câu hờ hững).** Đó vừa là thơ cũng vừa là đời, là anh và cũng vừa là Phật! Quan niệm sống “tuồng cũng chỉ là rơi” và “đời như mưa sa sẩy…, cái tôi ấy trong khi đốn ngộ chân lí sống vẫn bị dùng dằng trong kiếp phận người hay sự gắng gượng trong nỗi niềm thế phận bởi cái chức … vẫn cố giữ lấy nhân tâm thiện lành,…

Như thế, dấu ấn Phật giáo trong thơ Nguyễn Bình Phương là phương tiện để nhà thơ nỗ lực tìm kiếm sự thanh thản trong tâm hồn giữa cuộc đời phồn tạp; và hành trình làm “kẻ ngoài cuộc” chỉ là dự phóng cho những nhu cầu của bản thể trong khát vọng được nhìn thấu trọn chân giá trị sống. Với tư duy mang tính đối thoại với tôn giáo ấy, Nguyễn Bình Phương đã lựa chọn một cách thế sống đầy tích cực: không bỏ đời và cũng không bỏ mình, cõi Niết Bàn khó thành hiện thực nhưng mỗi ngày sống là mỗi ngày tìm kiếm Niết Bàn trong ta. Suy cho cùng mọi sự đối thoại cuối cùng cũng đi đến sự hòa giải trong thơ cả như trong đời, với ý nghĩa đó, thơ Nguyễn Bình Phương không truyền đạt một triết thuyết về tôn giáo mà chính là đi tìm triết lý cuộc đời được nghiệm suy qua tôn giáo ấy để soi xét mình, nhận thức nhân sinh.